

Bản án số: 422/2025/HC-PT

Ngày: 15 - 4 - 2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và
quyết định xử phạt vi phạm hành
chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
1314/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định xử phạt vi phạm
hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 149/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm
2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1002/2025/QĐPT ngày 04 tháng 3
năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Hứa Quốc T, sinh năm 1980 (xin xét xử vắng
mặt);

Nơi thường trú: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn T1, sinh năm 1983 (xin xét xử
vắng mặt);

Nơi thường trú Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Địa chỉ: Số F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Minh T2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K (xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Quách Văn T3 (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T4 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bộ tư lệnh Vùng 5 H.

Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lục Đức T5 (có mặt);

2. Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Hứa Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung, người khởi kiện ông Hứa Quốc T trình bày như sau:

Ngày 09/3/2021, vợ chồng ông Võ Tấn T1 và bà Lê Thị Thu H1 có làm hợp đồng tặng cho ông Hứa Quốc T diện tích là 432m² (chiều ngang 24m, chiều dài 18m), tọa lạc tại tổ G, khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất là do ông Đậu Xuân G khai phá và sử dụng từ năm 1987, đến năm 1993 thì ông G cắt ra một phần diện tích khoảng 3ha cho lại em mình là ông Nguyễn Văn T6 sử dụng. Đến năm 2007 ông T6 sang nhượng lại cho vợ chồng ông T1 sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Năm 2008, vợ chồng ông T1 phát hiện toàn bộ mảnh đất gần 3ha mua của ông T6 đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân, nên vợ chồng ông T1 đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 29/6/2006 cho Vùng 5 Hải quân, vì lý do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vi phạm luật đất đai. Trong quá trình vợ chồng ông T1 khởi kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã cho Sở T7 kiểm tra, rà soát lại việc cấp giấy nêu trên và xác nhận việc cấp giấy cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và năm 2006 là sai vì tại thời điểm cấp giấy đã không ra Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông G hay ông T6 hoặc bà H1 (vợ ông T1) tại Báo cáo số 113/BC-STNMT ngày 24/04/2019. Từ

đó Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ra Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và 2006 tại vị trí đất nêu trên .

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Vùng 5 Hải quân, vợ chồng ông T1 đã tiến hành cho xây tường rào bao quanh đất để tránh tình trạng tranh chấp về sau. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng tường rào, vợ chồng ông T1 lại bị Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng và yêu cầu tháo dỡ tường rào xây dựng vì lý do Ủy ban nhân dân huyện P đưa ra là vợ chồng ông T1 bao chiếm đất quốc phòng. Sau đó ông T1 đã khởi kiện quyết định nêu trên ra Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang yêu cầu hủy quyết định đó, vì lý do là đất này vợ chồng ông T1 có nguồn gốc sử dụng hợp pháp từ trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và tại thời điểm ông T1 xây dựng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Vùng 5 Hải quân đã bị thu hồi nên ông T1 không có hành vi bao chiếm đất quốc phòng. Ngày 02/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vụ án hành chính nêu trên ra xét xử, tại Bản án số 19/2020/ HC-ST Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, tuyên hủy quyết định số 4467/QĐ - XPVPHC của Ủy ban nhân dân huyện P vì tòa án cho rằng: “có căn cứ khẳng định nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông T1 là có từ năm 1987, bắt nguồn từ ông Đậu Xuân G khai phá, sử dụng; sau đó cho lại ông T6 và ông T6 bán lại cho bà H1 (vợ ông T1) sử dụng ổn định đến nay là đúng, ông Võ Tấn T1 không có hành vi bao chiếm đất quốc phòng”. Sau khi Tòa án tỉnh Kiên Giang tuyên án, Vùng 5 Hải quân đã kháng cáo, ngày 17/11/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm bằng Bản án số: 694/2020/HC-PT tuyên y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng án của Vùng 5 Hải quân, công nhận nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông T1 và hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P. Sau khi có Bản án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vợ chồng ông T1 đã cắt ra một phần diện tích là 432m² (trong tổng diện tích gần 3ha nêu trên) cho tặng ông T sử dụng. Đầu tháng 4/2023 ông T đã cho xây dựng dãy nhà trọ cho thuê trên khu đất nêu trên. Nhưng ngày 04/4/2023 Ủy ban nhân dân phường A đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính với ông T vì cho rằng ông T có hành vi bao chiếm đất quốc phòng quản lý. Đến ngày 12/5/2023 ông T nhận được Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt ông T số tiền là 8.000.000 đồng, buộc ông T tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng vì đã có hành vi: Bao chiếm và xây dựng trái phép đất phi nông nghiệp do Vùng 5 Hải quân quản lý với diện tích 425,4 theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Toàn bộ khu đất gần 3ha của vợ chồng ông T1 (trong đó có phần đất cho tặng ông T) đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là có nguồn gốc sử dụng hợp pháp từ năm 1987, bắt nguồn từ việc khai

khẩn của ông Đậu Xuân G1 tại Bản án số: 694/2020/HC-PT ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 19/3/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh K mới ký Quyết định số 706/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/08/2019, trong đó: Tại khoản khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 706 lại giao khu đất có diện tích 151.073m² (trong đó có phần diện tích của ông T1 và phần diện tích ông T1 cho ông T đã được Tòa án công nhận là có nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp trước năm 1993) giao cho V 5 Hải quân tạm quản lý là làm trái với Bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa án .

Từ đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ vào Quyết định số 706/QĐ – UBND ngày 19/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và cho rằng ông T có hành vi bao chiếm đất Vùng 5 Hải quân quản lý là không đúng. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 706/QĐ- UBND ngày 19/03/2021 và Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 1691/QĐ- XPHC ngày 09/5/2023 nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

- Hủy Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Tại Văn bản số 60/UBND-NC ngày 08/01/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:

1. Đối với Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nguồn gốc diện tích đất 236.117m² tại khu phố D, thị trấn A, huyện P nằm trong khu đất do Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân (sau đây gọi tắt Vùng 5 Hải quân) tiếp quản của chế độ cũ từ năm 1975. Năm 1996 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 872/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý, trong đó có diện tích 236.117m² đất nêu trên.

Đến năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 2254/QĐ-UB về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445, sổ vào sổ T00012 QSDĐ/KG cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân với diện tích 236.117m². Đến năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 về việc thu hồi đất và tạm giao diện tích đất 85.044m² (trong 236.117m²) cho Vùng 5 Hải quân để làm dự án khu nhà ở gia đình cán bộ; đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận số P852445 ngày 20/11/2000 và cấp lại cho V 5 Hải quân Giấy chứng nhận mới số AD488980 ngày 29/6/2006, diện tích 151.073m² (sau khi trừ đi diện tích 85.044m²).

Ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh R Quyết định số 1787/QĐ-UBND, hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh là Quyết định thu hồi giấy cũ để thực hiện cấp lại giấy mới cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân, không phải là quyết định thu hồi đất và có giao cho Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) chỉ đạo Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là phường A) quản lý chặt chẽ 02 khu đất cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân theo quy định.

Ngày 19/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Điều 2 tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 và Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 (điều chỉnh Điều 2 Quyết định 1787/QĐ-UBND) là đúng quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

2. Đối với Quyết định số 1691/QĐ- XPHC ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến.

3. Theo nội dung tại Thông báo số 239/2023/TLST-HC ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thì ông Hứa Quốc T chưa cung cấp sơ đồ vị trí kèm theo, thể hiện rõ tọa độ, vị trí khu đất, nên chưa có cơ sở xác định vị trí diện tích đất của ông T khiếu kiện.

Từ các cơ sở trên, việc ông Hứa Quốc T yêu cầu hủy Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 1187/UBND-NCPC ngày 19/6/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 về xử phạt vi phạm hành chính là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 05/4/2024, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 425,4m² do ông Hứa Quốc T chiếm. Trong đó đất phi nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị diện tích 153,6m² do Ủy ban nhân dân phường A quản lý. Toàn bộ diện tích ông Hứa Quốc T chiếm nằm trong Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Quyết

định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. (Bút lục số 01).

Ngày 06/4/2024, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A lập Biên bản làm việc đối với ông Hứa Quốc T (bút lục số 02). Ông Hứa Quốc T trình bày nguồn gốc đất là bà Lê Thị Thu H1 và chồng là ông Võ Tấn T1 cho tặng ông T bằng giấy tay vào ngày 08/4/2021. (Tại thời điểm cho tặng đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và việc cho tặng đất này không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận). (Bút lục số 03).

Căn cứ vào Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng vị trí diện tích đất ông Hứa Quốc T đang sử dụng là không hợp pháp. (Bút lục số 04-05).

Vì vậy, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Hứa Quốc T. Theo Biên bản vi phạm hành chính số 122/BB-VPHC lập ngày 12/4/2024 và Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính 170/BB-XM ngày 28/4/2023 thể hiện ông Hứa Quốc T thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất, diện tích 425,4m², trong đó đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị do Ủy ban nhân dân phường A quản lý theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K). Hiện trạng trên đất ông Hứa Quốc T xây dựng một căn nhà xây chưa hoàn thiện diện tích 425,4m². Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. (Bút lục số 06-07).

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Trong Biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm hành chính đã ký tên vào biên bản và đã nhận biên bản.

Theo đó việc ông Hứa Quốc T tự ý sử dụng diện tích 425,4m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường A mà không được Ủy ban nhân dân phường A là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023: Về thẩm quyền ban hành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về trình tự thủ tục ban hành là phù hợp theo quy định tại Điều 57, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về nội dung là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. (Bút lục số 07).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh bác yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Quốc T, đồng thời giữ nguyên Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và Quyết định số 1691/QĐ- XPHC ngày 05/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ông Hứa Quốc T phải chấp hành việc nộp phạt tiền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 1691/QĐ- XPHC ngày 05/5/2023 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), (Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Quốc T và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo đến Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 4501/BTL-PTM ngày 22/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân trình bày:

1. Nguồn gốc khu đất:

- Năm 1975, sau khi giải phóng đảo P, Vùng 5 Hải quân tiếp quản toàn bộ doanh trại, nhà tù của Mỹ N để lại, quản lý theo chính sách chung của Nhà nước, trong đó có khu đất với diện tích 236.117m² (khu đất có liên quan đến đơn khởi kiện của ông Hứa Quốc T, sinh năm 1987).

- Năm 1995, V H lập quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn xã A, huyện P và được Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân huyện P xác nhận (nay là phường A, thành phố P).

- Ngày 20/11/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 872/QĐ-TTg về việc quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn Quân khu I và giao cho V 5 Hải quân quản lý 14 điểm đất trên địa bàn đảo P trong đó có khu đất với diện tích 236.117,0m².

- Ngày 20/11/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh K ký, ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445, số vào sổ T00012/QSDĐ/KG với diện tích 236.117,0m² cho Vùng 5 Hải quân.

- Năm 2005, Vùng 5 Hải quân quy hoạch xây dựng khu gia đình cho cán bộ trên khu đất với diện tích 85.060m²/236.117,0m².

- Ngày 16/6/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh K ký, ban hành Quyết định số 917/QĐ- UBND về việc thu hồi đất và tạm giao đất cho Vùng 5 làm dự án khu gia đình (8,5 ha); đồng thời tách sổ mới số T00480 ngày 29/6/2006 với diện tích 151.073m² (sau khi đã trừ 8,5 ha) và giao cho Vùng 5 quản lý (bao gồm đất doanh trại tiểu đoàn 557: 41.168m², thao trường huấn luyện của Vùng 5: 109.905m²).

Ngày 13/11/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh K ký, ban hành Quyết định số 2242/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở gia đình quân đội Vùng 5 Hải quân trên địa bàn huyện P, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500, quy mô 8,5 ha. Sau đó Vùng 5 Hải quân đã tổ chức phát dọn mặt bằng khu đất 8,5 ha, trong quá trình thực hiện không xảy ra tranh chấp với bất cứ tổ chức, cá nhân nào.

- Ngày 15/5/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh K có Công văn số 500, 501, 502 gửi Bộ trưởng Bộ Q, Tổng Tham mưu trưởng Q1, Tư lệnh Hải quân về việc thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại A để thực hiện dự án V - Di tích Nhà tù P (trong đó khu vực 8,5 ha) và đã được Bộ về việc thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại A để thực hiện dự án Quốc phòng đồng ý tại Công văn số 2824/BQP-TM ngày 10/6/2009.

- Ngày 28/04/2011, Bộ có Tờ trình số 594/TTr-BTL về việc xin chuyển đổi khu vực đất 8,5 ha sang khu vực khác để xây dựng khu gia đình quân đội. Trên cơ sở đó, ngày 04/11/2011 Sở TN&MT Tỉnh T7 có Tờ trình số đất xây dựng khu nhà ở gia đình quân đội của Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân từ khu vực 8,5 686/TTr-STNMT gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương chuyển đổi vị trí khu ha lên khu vực 12,28 ha tại ấp S. Hiện nay khu vực 12,28 ha tại ấp S đã thực hiện dự án khu gia đình.

2. Quá trình lấn chiếm đất Quốc phòng của ông Võ Tấn T1:

- Ngày 18/7/2019, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh K có Công văn 4214/VP- NCPC về việc giao cho Sở TN&MT tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445 cấp ngày 20/11/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD488980 cấp ngày 29/6/2006 cho Vùng 5 Hải quân;

- Ngày 26/7/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T7 ban hành Thông báo số 136/TB-STNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445 cấp ngày 20/11/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD488980 cấp ngày 29/6/2006 cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân;

- Ngày 08/08/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1787/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Ngày 29/8/2019, Sở T7 làm việc với Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân triển khai Quyết định số 1787/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và triển khai Quyết định số 962/QĐ-STNMT ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở T7 về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đối với Bộ;

- Ngay khi đang triển khai Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh (ngày 29/8/2019); ông Võ Tấn T1 đã tiến hành các hoạt động lấn chiếm, phát ranh, cắm trụ bê tông xây dựng trái phép vào khu vực đất quốc phòng do

Vùng 5 Hải quân quản lý vì cho rằng đất của Bộ đã bị thu hồi, mặc dù Bộ tư lệnh Vùng 5 đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là Ủy ban nhân dân phường A) ngăn chặn, tiến hành lập biên bản vi phạm nhưng ông T1 vẫn cố tình báo chiếm. Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân đã rất nhiều lần có công văn đề nghị địa phương giải quyết hành vi lấn chiếm đất quốc phòng của ông T1 nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

- Tuy nhiên, quy trình triển khai thực hiện quyết định thu hồi của địa phương còn thiếu chặt chẽ về trình tự thủ tục, như: Trước khi ban hành Quyết định thu hồi chỉ căn cứ vào Thông báo số 136/TB-STNMT ngày 26/7/2019 của Sở TN&MT, chưa điều tra, xác minh, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tại thực địa vì hiện tại trên khu vực đất bị thu hồi vẫn đang còn doanh trại, kho tàng của Tiểu đoàn 557/Lữ đoàn 950/QK9 và công sự, trận địa của Bộ; chưa thông báo rõ lý do thu hồi cho Vùng 5 Hải quân, trong khi đó khu đất là đất quốc phòng do Bộ cho Thị trấn A (nay là Ủy ban nhân dân phường A) quản lý là chưa phù hợp vì thực tế vẫn đang là đất quốc phòng do Bộ quản lý; hiệu quả ngăn chặn, xử lý việc lấn chiếm trái phép của các đối tượng chưa cao.

- Ngày 19/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 706/QĐ- ban nhân dân tỉnh K về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Theo đó: “Ủy ban nhân dân phường A có trách nhiệm quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 85.060 m; Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân có trách nhiệm quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 151.073,0m² cho đến khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định”. Ngày 06/01/2022, Sở T7 tổ chức triển khai Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K và bàn giao tại thực địa cho Ủy ban nhân dân phường A và Bộ.

- Theo kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân phường A, Sở T7, Ủy ban nhân dân tỉnh K của Đoàn Thanh tra Bộ Q năm 2021 (Báo cáo số 195/BC-TTtr ngày 27/01/2022 của Thanh tra Bộ Q về kết quả kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng của Q2 trên địa bàn thành phố P, tỉnh Kiên Giang):

- + Việc bà Lê Thị Thu H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T6 năm 2007 khi diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vùng 5 là trái pháp luật.

- + Ủy ban nhân dân tỉnh K sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố P tiếp tục lập hồ sơ, thủ tục xử lý hành vi chiếm đất, xây dựng trái phép của ông Võ Tấn T1.

3. Ý kiến của Bộ tư lệnh Vùng 5 H:

Việc ông Hứa Quốc T khởi kiện là không có đủ cơ sở, nội dung khởi kiện không đúng thực tế quá trình sử dụng đất Quốc phòng của Bộ. Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân có ý kiến và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Ủy ban nhân dân phường A không có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 149/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Quốc T.

- Không chấp nhận hủy khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Không chấp nhận hủy Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Không chấp nhận hủy Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hứa Quốc T của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2024 người khởi kiện ông Hứa Quốc T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 122/BB-VPHC lập ngày 12/4/2023 và Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính 170/BB-XM ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hứa Quốc T do có hành vi: Chiếm đất, diện tích 425,4m², trong đó đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị do Ủy ban nhân dân phường A quản lý theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 (điều chỉnh Quyết định 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019) của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Hiện trạng trên đất ông Hứa Quốc T xây dựng một căn nhà xây chưa hoàn thiện diện tích 425,4m². Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ông T cho rằng việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là không đúng quy định pháp luật, nên khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt vi phạm hành chính.
- Hủy khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.
- Hủy Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Năm 1996 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng theo Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 20/11/1996 (trong đó có diện tích đất này). Ngày 20/11/2000 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân với diện tích 236.117m². Ngày 16/6/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 917/QĐ-UBND thu hồi đất và tạm giao diện tích đất 85.044m² cho Vùng 5 Hải quân để làm dự án khu nhà ở gia đình cán bộ, đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận số P852445 ngày 20/11/2000 và cấp lại (mới) cho Vùng 5 Hải quân Giấy chứng nhận số AD488980 ngày 29/6/2006, diện tích 151.073m² (sau khi trừ đi diện tích 85.044m²). Ngày 08/8/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 1787/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 (lý do trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định).

Tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1787/QĐ-UBND có nội dung: “2. Ủy ban nhân dân huyện P: Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thị trấn A quản lý chặt chẽ 02 khu đất có diện tích, vị trí nêu trên theo quy định (không để tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép) cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ theo quy định”.

Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K là quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ để thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân, không phải là quyết định thu hồi đất, đất này vẫn đang do Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân quản lý, sử dụng. Theo nội dung tại Điều 2 nêu trên thì có một phần là đất quốc phòng và một phần đã được điều chỉnh ra khỏi đất quốc phòng do nhà nước quản lý để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở gia đình cho quân nhân của Vùng 5 Hải quân đã được nêu tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006. Do đó, ngày 19/3/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 706/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 để thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân, trong đó có tách bạch diện tích 85.044m² Ủy ban nhân dân phường A quản lý, diện tích 151.073m² Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân quản lý chặt chẽ. Hiện nay phần đất trên do Ủy ban nhân dân phường A quản lý trên cơ sở Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021, về thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thực hiện. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019, Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 là đúng quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[3.2] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện xác nhận: Ông T vào sử dụng phần đất có diện tích 425,4m² tại khu phố D, phường A, thành Phố P, tỉnh Kiên Giang từ ngày 09/3/2021 là được bà Lê Thị Thu H1, ông Võ Tấn T1 hợp đồng cho tặng đất, nhưng ông T không có một trong các loại giấy tờ hợp pháp theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

Quá trình thực hiện kiểm tra sử dụng đất đai trên địa bàn phường A, ngày 06/4/2023 Ủy ban nhân dân phường A phát hiện ông T đang thực hiện chiếm diện tích đất 425,4m², loại đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị để xây dựng nhà thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường A theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K, không được sự cho phép của tổ chức được giao quyền quản lý, của cơ quan có thẩm quyền trong quản lý đất đai là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Do đó, Ủy ban nhân dân phường A lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Những nội dung trình bày và các tài liệu, chứng cứ ông T nêu trong đơn kháng cáo, đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là

không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Hứa Quốc T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 149/2024/HC-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 23, 99, 100, 167, 168 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 38, 58, 66, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí hậu thủy văn; đo đạc bản đồ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Quốc T về việc:

- Hủy khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/20000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Hủy Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Hủy Quyết định số 1691/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Hứa Quốc T của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hứa Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006462 ngày 30/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (5) 15b (Án NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên